

Tiền Giang, ngày 20 tháng 02 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG KHẢO HẠCH ĐẠI GIỚI ĐÀN HUỆ ĐĂNG (DÀNH CHO GIỚI TỬ SA DI NI)

I. VẤN ĐÁP

A. Kinh

1. Kinh Pháp Cú
2. Hai thời công phu

B. Luật

1. Tỳ Ni
2. Sa Di Ni

C. Luận - sử

1. Giáo lý căn bản
2. Sử Phật và Thánh Chứng

II. ĐỀ LUẬN

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI CÂU HỎI

(Đây là tập tài liệu hướng dẫn trả lời những câu hỏi có tính chất cơ bản nhất, nhằm giúp ích phần nào cho quý vị Giới Tử trong việc học bài. Nếu muốn hiểu rộng hơn thì quý vị nên tham khảo tài liệu thêm)

I. VẤN ĐÁP

A. KINH

1. KINH PHÁP CÚ

Câu 1. Đọc và nói đại ý bài kệ 50, 51?

Kệ 50:

*Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm,
Nên nhìn tự chính mình,
Có làm hay không làm.*

Kệ 51:

*Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy lời nói khéo,
Không làm không kết quả.*

Đại ý:

Kệ 50, 51: Đức Phật khuyên chúng ta hãy luôn tự khắc kỷ lấy mình, luôn tìm chỗ dở, chỗ chưa làm được của mình mà cố gắng sửa đổi để ngày một hoàn thiện hơn, chớ tìm chỗ hay dở của người khác mà chê bai, châm chọc, vì đó không phải là hành vi của bậc trượng phu và phải sống một đời sống tự tại giải thoát, không bị ràng buộc bởi ngũ dục, có như vậy mới không uổng chí xuất gia của mình.

Câu 2. Đọc và nói đại ý bài kệ 52, 78?

Kệ 52:

*Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương.
Cũng vậy lời nói khéo,
Có làm có kết quả.*

Kệ 78:

*Chớ thân bạn xấu ác,
Chớ thân kẻ đê hèn.
Hãy thân bạn hiền lành,
Hãy thân người cao thượng.*

Đại ý:

Kệ 52: Lời nói phải luôn đi đôi với việc làm, cũng như loài hoa có sắc phải có hương thơm cao quý, chúng ta cũng như thế học đi đôi với hành thì mới là một người có ích cho xã hội.

Kệ 78: Bạn bè là người cần thiết an ủi hay chỉ bảo cho ta những điều bất toàn, nhưng kết bạn cũng có nhiều trường hợp: Kết bạn như hoa, kết bạn như cân, kết bạn như núi, kết bạn như đất. Bạn bè vì điều kiện cần thiết không thể thiếu

trong cuộc sống, tuy nhiên kết bạn như thế nào để được lợi ích, như trường hợp kết bạn như đất ở trên.

Câu 3. Đọc và nói đại ý bài kệ 13, 14 trong phẩm Song Yếu?

Kệ 13:

*Như ngôi nhà vụng lợi,
Nước mưa len lõi vào.
Tâm không tu cũng vậy,
Tham dục rỉ rã vào.*

Kệ 14:

*Như ngôi nhà khéo lợp,
Nước mưa không thấm vào.
Tâm khéo tu cũng vậy,
Tham dục khó lọt vào.*

Đại ý:

Kệ 13: Tham dục sẽ đâm thủng tâm người không tu tập, dễ dàng như giọt mưa rơi vào ngôi nhà trống.

Kệ 14: Người nhất tâm chánh niệm tu tập, tham dục không thể chi phối được, cũng như ngôi nhà kín nước mưa khó lọt vào.

Câu 4. Đọc và nói đại ý bài kệ 49, 54 trong phẩm Hoa?

Kệ 49:

*Tỳ kheo vào làng xóm,
Như ong đến vườn hoa.
Lấy mật xong bay ra,
Không hại gì hương sắc.*

Kệ 54:

*Hương các loại hoa thơm,
Không thể bay ngược gió.
Hương người đức hạnh đó,
Ngược gió bay muôn phương.*

Đại ý:

Kệ 49: Là một bậc Sa Môn không nên gây tổn hại cho bất cứ ai, mà chỉ vì mục đích thăng hoa cho tự thân trên bầu trời an lạc và mở rộng con đường tươi mát cho chúng sanh.

Kệ 54: Dù loài hoa quý ngàn năm nở một lần, cũng không thể bay ngược chiều gió, nhưng hương thơm tiếng lành, phạm hạnh của bậc có giới đức vang khắp 10 phương.

Câu 5. Đọc và nói đại ý bài kệ 103, 111 trong phẩm Ngàn?

Kệ 103:

Dù tại bãi chiến trường,

*Thắng hàng ngàn quân địch.
Cũng không bằng tự thắng mình,
Chiến công ấy kỳ tích.*

Kệ 111:

Đại ý:

Kệ 103: Đức Phật ca ngợi người tự thắng chính mình là người biết giữ gìn thân, khẩu, ý một cách trong sạch, không hơn thua điều gì bất cứ với ai, hay nói một cách khác là người biết kiểm chế hành vi của mình, không bao giờ biểu lộ sự thô tháo khi gặp nghịch cảnh. Và cũng chính tự mình phát huy hạnh tinh tấn, quyết không để sự giải đãi làm lu mờ tâm trí.

Kệ 111: Giá trị cuộc sống không tính bằng thời gian sống mà là ý nghĩa sống. Vì thế, sống trăm năm mà mãi mê chìm đắm trong tham dục khổ não, thì chẳng bằng sống một ngày có trí tuệ để chặt đứt vô minh phiền não sanh tử.

2. HAI THỜI CÔNG PHU :

Nội dung : Kinh A Di Đà, Hồng Danh Sám Hối, Mông Sơn, Lăng Nghiêm và Thập Chú.

B. LUẬT

1. TỶ NI

Câu 1. Đọc đầy đủ kệ chú của Ngũ quán?

Ngũ quán là năm thứ quán tưởng của chúng Tăng khi thọ thực.

1. Nhứt, kế công đa thiếu, lượng bi lai xứ: So sánh vật mà thí chủ cúng dường cho mình, công lao của người ta phải cực khổ như thế nào?
2. Nhị, thốn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng: Xem xét đức hạnh của mình, coi có xứng đáng mà thọ lãnh đồ cúng dường ấy chăng?
3. Tam, phòng tâm ly quán: Tham đẳng vi tôn: ba hãy đề phòng tâm tránh xa mọi lỗi lầm tội lỗi mà tham, sân, si, là nguyên nhân.
4. Tứ, chánh sự lương được vi liệu hình khô : Bốn chính vì lấy thực phẩm làm lương được mà trị bệnh khô gầy của thân.

5. Ngũ, vị thành đạo nghiệp ung thọ thử thực : Năm vì muốn có sức mạnh để tu thành đạo nghiệp, nên tạm dùng đồ ăn mà thôi.

Câu 2. Ai đã khai sáng ra Luật Tỳ Ni? Với mục đích gì?

Bộ Luật Tỳ Ni Nhật Dụng là do ngài Luật sư Kiến Nguyệt (hiệu Độc Thễ tự Hoàng Giới), ở núi Hoa Sơn đời nhà Thanh ở Trung Hoa thể theo tâm từ của Phật trước kia, mà muốn cho tròn đầy trí đức của những kẻ hậu học. Ngài đã lược rút ở phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm. Mục đích để người sơ cơ làm chuẩn tắc thân tâm, khắp bốn oai nghi suốt ngày đêm, và lấy đó làm thêm bậc tiến đạo.

Câu 3. Bộ Tỳ Ni gồm 54 bài kệ, 38 câu chú, nhưng nội dung gồm những gì?

Bộ Tỳ Ni gồm 54 bài kệ, 38 câu chú, thì tùy nội dung mỗi bài mà có khác, nhưng tóm lại nội dung có 2 ý chính:

a. Ước về tam tụ tịnh giới (bài kệ có 4 câu) Câu 1: Nhiếp luật nghi giới, Câu 2: Nhiếp thiện pháp giới, Câu 3,4: Nhiêu ích hữu tình giới.

b. Ước về tứ hoằng thệ nguyện Câu 1: Nguyện học các pháp môn, Câu 2: Nguyện độ chúng sanh, Câu 3,4: Nguyện dứt phiền não và nguyện thành Phật.

Câu 4. Theo truyền thống Phật giáo, Đức Phật bắt đầu dạy Tỳ Ni cho ai, tại đâu? và mục đích giáo dục là gì?

Theo truyền thống Phật giáo, Đức Phật bắt đầu dạy bộ Luật Tỳ Ni cho ông Tu Đề Na ở nước La Duyệt Kỳ, đây đánh dấu thời kỳ giới luật Phật giáo ra đời.

Mục đích nhằm để ngăn ngừa, xử đoán những việc khai, giá, trì, phạm, danh, chủng, tánh, tướng của hành giả và để điều trị các oai nghi, tánh tình của người tu tập.

Câu 5. Dựa vào đâu? Nói hành trì Tỳ Ni làm tăng trưởng tâm Bồ Đề?

Chúng ta thấy bộ Tỳ Ni tuy ngắn gọn nhưng chứa đựng những nghĩa lý sâu xa, như nói về pháp tánh viên dung như những câu: “*Vào cảnh pháp môn, tâm vô ngăn ngại hay đứng mắt không ngại, thấy tất cả Phật*”.

Lại nữa hành trì Tỳ Ni từ sáng đến tối xúc đối các cảnh đều phát nguyện lớn “*cầu cho chúng sanh*” là các tội lỗi, thanh tịnh ba nghiệp, luôn nghĩ nhớ đến sự phát tâm, lập nguyện đó chính là việc làm tăng trưởng tâm Bồ Đề vậy.

2.SA DI NI

Câu 1. Sa Di Ni nghĩa là gì ?

- Tiếng Phạn là Sa Di Ni, Trung Hoa dịch là Túc từ nữ, nghĩa là đình chỉ việc ác, thi hành từ bi; đình chỉ những sự ô nhiễm của thế tục mà từ bi tế độ chúng sanh. Cũng dịch là Càn sách nữ nghĩa là siêng năng tu tập, tinh cần nương theo sự sách tấn của Thầy Tổ mà đoạn trừ những tập khí phiền não. Cũng dịch là Cầu tịch nữ nghĩa là cầu sự vắng lặng Niết bàn.

Câu 2. Hãy đọc rõ 10 giới Sa Di Ni?

Mười giới của Sa Di Ni là:

1. Thứ nhất: Giới không sát sanh.
2. Thứ hai: Giới không trộm cướp.
3. Thứ ba: Giới không dâm dục.
4. Thứ tư: Giới không nói dối
5. Thứ năm: Giới không uống rượu.
6. Thứ sáu: Giới không mang hương hoa chuỗi ngọc.
7. Thứ bảy: Giới không ngồi giường cao, rộng lớn.
8. Thứ tám: Giới không hát múa âm nhạc.
9. Thứ chín: Giới không nắm giữ vàng ngọc.
10. Thứ mười: Giới không ăn phi thời.

Câu 3. Trong mười giới Sa Di Ni, giới nào thuộc về tánh giới? Giới nào thuộc về tướng giới?

* Những giới thuộc về tánh giới:

1. Giới không sát sanh.
2. Giới không trộm cướp.
3. Giới không dâm dục.
4. Giới không nói dối

* Những giới thuộc về tướng giới:

1. Giới không uống rượu.
2. Giới không mang hương hoa chuỗi ngọc.
3. Giới không ngồi giường cao, rộng lớn.
4. Giới không hát múa âm nhạc.
5. Giới không nắm giữ vàng ngọc.
6. Giới không ăn phi thời.

Câu 4. Giới tử nói rõ về năm đức tính của Sa Di Ni?

Năm đức tính của Sa Di Ni là:

1. Nhứt giả phát tâm xuất gia hoài bội đạo cố: Nghĩa là vì cảm mến đạo pháp có năng lực đoạn trừ phiền não, có phương pháp cứu người nên phát tâm xuất gia. Nghĩa là quyết chí mong cầu giác ngộ giải thoát mà thoát ly gia đình.

2. Nhị giả hủy kỳ hình hảo ứng pháp phục cố: Nghĩa là vì để kết hợp với y báo và chánh báo thanh tịnh nên bỏ hết những phục sức hoa lệ, những trang điểm duyên dáng nơi thân mình.

3. Tam giả cát ái từ thân vô thích mặc cố: Nghĩa là thể hiện sự bình đẳng không phân biệt ngã sở, không phân biệt thân sơ, nghèo giàu mà tất cả đang bị chìm đắm trong luân hồi đau khổ và mình có nhiệm vụ cứu độ, nên cắt bỏ ân ái, từ bỏ họ hàng thân thuộc.

4. Tứ giả hủy khí thân mạng tôn sùng đạo cố: Nghĩa là vì quý trọng chánh pháp, tha thiết muốn học hỏi chánh pháp, tu tập chánh pháp, truyền bá chánh pháp

nên khinh thường tánh mạng, không kể đến sức khỏe, không tiếc năng lực, không từ khổ nhọc.

5. Ngũ giả chí cầu đại thừa vị độ nhân cố: Nghĩa là vì để độ chúng sanh nên quyết chí cầu pháp đại thừa để có đủ phương pháp mà tự giác tha.

Đó là năm phẩm chất cao cả của người xuất gia.

Câu 5. Hãy nói về ý nghĩa và lợi ích của việc Bồ tát?

- Ý nghĩa của việc Bồ tát: Nhắc lại giới mà mình đã lãnh thọ, kiểm điểm lại việc làm trong nửa tháng, có phạm tội thì sám hối để được thanh tịnh làm bớt đi phiền não, thêm công đức lành.

- Lợi ích của việc Bồ tát: Thuần hóa, gạn lọc tâm ý cho đến mức thuần khiết, người thanh tịnh thêm tăng trưởng, người phạm giới thì như pháp sám hối để thanh tịnh trở lại. Huấn luyện tinh thần tự tại, tự giác phản tỉnh, nuôi lớn tâm Bồ đề.

C. LUẬN - SỬ

1. GIÁO LÝ CĂN BẢN

Câu 1. Tam Bảo là gì?

Tam Bảo là ba ngôi quý báu: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

a) Phật bảo: Chữ Phật do chữ Phạn Buddha phiên âm ra. Người Tàu dịch là Giác giả. Nghĩa là: bậc đã giác ngộ sáng suốt hoàn toàn về ba phương diện: tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

b) Pháp bảo: Pháp là do chữ Phạn Dharma mà dịch nghĩa ra. Pháp là phương pháp tu hành mà Phật đã phát huy ra để diệt trừ mọi mê muội, khổ đau và chứng được quả Phật. Ba tạng kinh điển gọi chung là Pháp.

c) Tăng bảo: Tăng hay Tăng-già là do chữ Phạn Sangha mà phiên âm ra; Tàu dịch là: hòa hợp chúng, nghĩa là một đoàn thể tu hành từ 4 người sắp lên, cùng nhau sống chung một chỗ, đồng giữ giới luật của Phật, đồng chia

sót cho nhau một cách hòa thuận những gì đã thấu nhận được, từ vật chất cho đến tinh thần. Tăng bảo là đoàn thể của những bậc thánh.

Câu 2. Thập niệm là gì?

- Đức Phật dạy cho các Tỷ kheo thực hành 1 trong 10 niệm này sẽ thành tựu thân thông, loại bỏ các loạn tưởng, đạt được quả sa môn, tự thân đạt đến Niết bàn. Mười niệm này là: Niệm Phật, Niệm Pháp, Niệm Tăng, Niệm giới, Niệm thí, Niệm thiên, Niệm hưu tức, Niệm An ban, Niệm thân vô thường và Niệm tử.

Kệ tóm tắt
Niệm Phật, Pháp, thánh chúng,
Niệm giới, thí và thiên
Niệm Hưu tức, an ban,
Niệm thân, chết cuối cùng.

Câu 3. Tứ đế là gì? Kể ra và giải thích?

Tứ là 4, đế là sự chắc thật, chân thật, không sai, vi diệu, cao quý. Tứ đế còn gọi là tứ diệu đế, tứ thánh đế, tứ chân đế có nghĩa là 4 sự thật chắc chắn đúng với chân lý mà Đức Phật đã dạy.

Khổ đế: là sự thật về thực trạng khổ đau của chúng sanh trong ba cõi.

Tập đế: là sự thật về những nguyên nhân dẫn đến nỗi khổ mà chúng sanh phải gánh chịu.

Diệt đế: là sự thật về sự an lạc giải thoát có được sau khi đoạn trừ hết những nguyên nhân của khổ đau.

Đạo đế: là sự thật về con đường hay phương pháp tu tập để đạt đến những sự an lạc giải thoát mà trong kinh gọi là Niết Bàn.

Câu 4. Sáu phép hòa kính là gì? Kể ra và giải thích?

Còn gọi là lục hòa, tức là sáu phép cư xử với nhau trong một tăng đoàn để đem lại sự hòa hợp thật sự. Sự hòa hợp này giúp cho đoàn thể tồn tại và phát triển, giúp cho mỗi cá nhân hoàn thiện nhân cách, tiến đến mục đích giải thoát.

1. Thân hòa đồng trụ: khi ở chung trong một cộng đồng thì phải phân phối nơi ăn chốn ở cho tiện nghi, cùng làm việc, cùng tu học.
2. Khẩu hòa vô tranh: nói lời ôn hòa, chân thật, dịu dàng, tránh tất cả lời nói gây xích mích, cãi vã.
3. Ý hòa đồng duyệt: biết nghe, tôn trọng ý kiến của người, không cố chấp bảo thủ.
4. Giới hòa đồng tu: cùng nhau hành trì những giới luật đã truyền thọ và ban hành.
5. Kiến hòa đồng giải: chia sẻ sự hiểu biết, kiến thức cho nhau, để cùng được hiểu biết.
6. Lợi hòa đồng quân: vật thực, đồ dùng, tiện nghi, lợi dưỡng phân chia đồng đều hay cùng hưởng chung.

Câu 5. Bát chánh đạo là gì?

Bát chánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

2. SỬ PHẬT VÀ THÁNH CHÚNG

Câu 1. Khái quát lịch sử Đức Phật ?

Đức Phật Thích Ca là con của vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Gia. Ngài tên thật là Tất Đạt Đa.

Ngài đản sinh vào ngày 14 tháng 04 năm 623 trước công nguyên (*có thuyết nói Đức Phật Đản sanh ngày mùng 8 tháng 4 năm 623 trước công nguyên*) tại vườn Lâm Tỳ Ni, Thành Ca Tỳ La Vệ thuộc Trung Bắc Ấn Độ.

Ngài sinh ra đã có đủ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thuở nhỏ Ngài là người rất thông minh hoạt bát và giàu lòng từ được vua cha thương yêu, bá quan văn võ kính trọng.

Từ năm 7 đến 13 tuổi, Ngài được vua cha cho học cả văn lẫn võ với trí tuệ siêu việt của mình Ngài đã lãnh ngộ tất cả những tinh hoa của các danh sự truyền thụ.

Lớn lên Ngài được vua cha cưới công chúa Da Du Đà La làm vợ. Một hôm Ngài đi dạo bốn cửa thành thấy cảnh già - bệnh - chết và một vị tu sĩ đã làm cho tâm Ngài muốn xuất gia cầu đạo giải thoát.

Năm 19 tuổi (*Theo Nam Tông thì lúc ấy Thái Tử 29 tuổi*), Ngài trốn hoàng cung tự cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo, trải qua năm năm tầm sư, sáu năm khổ hạnh.

Trải qua những năm tháng tu tập. Một hôm Ngài quyết định toạ thiền dưới cây bồ đề phát nguyện không chứng đạo quả không đứng dậy.

Sau 49 ngày tư duy thiền quán Ngài đã chứng ngộ chân lý tối thượng. Bài pháp đầu tiên Ngài giảng thuyết là Tứ Diệu Đế cho năm anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Trải suốt 45 năm (*có thuyết cho là 49 năm*) thuyết pháp độ sinh trên 300 hội, độ được vô số chúng sanh.

Năm 80 tuổi Ngài nhận thấy cơ duyên đã mãn nên quyết định nhập Niết Bàn tại rừng Ta La Song Thọ.

Xá Lợi của Ngài chia thành 8 phần để phụng cúng tôn thờ, trong số đệ tử của Ngài có 10 vị đại đệ tử xuất sắc.

Những lời dạy trong suốt 45 năm của Ngài được chúng Thánh đệ tử kết tập lại thành Tam Tạng Thánh Điển.

Câu 2. Giới thiệu về những đại đệ tử trong hàng xuất gia của Phật?

Trong suốt quãng đời hoằng hoá độ sanh của Đức Thế Tôn, Ngài đã hoá độ vô lượng, vô số chúng sanh, giác ngộ chúng sanh giải thoát sanh tử và luôn luôn

lúc nào cũng có 1250 vị Tỳ Kheo hầu cận bên Ngài. Nói đến hàng xuất gia đệ tử của Phật thì có rất nhiều vị nổi tiếng giới đức khiêm ưu, trí tuệ siêu phàm.

Trong đó nổi bật và xuất sắc nhất có 10 vị mà sử sách gọi là Thập Đại Đệ Tử. Mỗi vị có một đặc thù riêng biệt mà không một ai có thể có được. Mười vị đại đệ tử đó là:

- 1- Xá Lợi Phất: Trí tuệ đệ nhất
- 2- Mục Kiền Liên: Thần thông đệ nhất
- 3- Phú Lâu Na: Thuyết pháp đệ nhất
- 4- Tu Bồ Đề: Giải Không đệ nhất
- 5- Ca Chiên Diện: Luận Nghị đệ nhất
- 6- Đại Ca Diếp: Đầu Đà đệ nhất
- 7- A Na Luật: Thiên Nhân đệ nhất
- 8- Ưu Ba Li: Trì Giới đệ nhất
- 9- A Nan: Đa Văn đệ nhất
- 10- La Hầu La: Mật Hạnh đệ nhất.

Câu 3. Đọc bài kệ tóm lược năm thời thuyết giáo của đức Phật?

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật

A-hàm thập nhị Phương Đẳng bát

Nhị thập nhị niên Bát-nhã đàm

Pháp Hoa, Niết-bàn cộng bát niên.

(Trước nói Hoa Nghiêm hai một ngày

A-hàm mười hai, Phương Đẳng tám

Hai mươi hai năm nói Bát-nhã

Pháp Hoa, Niết-bàn cộng tám năm).

Câu 4. Hãy kể tên 3 vị tổ Trúc Lâm? Ai là người xiển dương thiền phái Trúc lâm đương thời?

Sơ tổ Trần Nhân Tông, nhị tổ Pháp Loa và tam tổ Huyền Quang, Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Từ.

II. ĐỀ LUẬN (*Chọn 1 trong 2*).

Câu 1. “*Giới Luật là thọ mạng của Phật pháp*” giới tử hãy phân tích lời dạy trên để cho thấy những giá trị của giới luật?

Câu 2. Hãy cho biết lợi ích của việc gìn giữ giới luật trong đời sống tu tập của hàng xuất gia?